

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K14XDD

**TÊN HỌC PHẦN: ĐỒ ÁN KIẾN TRÚC XÂY DỰNG DD & CHỌC KỲ
M? H ỌC PHẦN : ARC - 391**

7

TÍN CHỈ

1

LẦN THI

1

Ngày thi: 19/11/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30						55	100			
1	132214419	MAI DUY VIỆT	CƯỜNG	K14XDD1	6		4							3.5	0.0	Khăng	
2	132214441	HOÀNG ĐỨC	GIỚI	K14XDD1	8		6							7	6.9	Sâu pháy Chèn	
3	132214522	PHẠM DUY	PHƯỚC	K14XDD1	8		6.5							6.5	6.7	Sâu pháy Baý	
4	132214617	ĐỖ MAI HOÀNG	VIN	K14XDD1	10		5.5							6.5	6.7	Sâu pháy Baý	
5	142131159	HỒ CÔNG TUẤN	VŨ	K14XDD1	8		6							7.5	7.1	Baý pháy Mâu	
6	142211174	NGUYỄN TUẤN	ANH	K14XDD1	6		6							4	4.9	Bấ pháy Chèn	
7	142211178	TRƯƠNG VĂN	BÁCH	K14XDD1	6		6							4	4.9	Bấ pháy Chèn	
8	142211184	TỔNG VĂN	B?NH	K14XDD1	10		6							7	7.2	Baý pháy Hai	
9	142211190	NGÔ NGỌC	CHÍNH	K14XDD1	10		6							6.5	6.9	Sâu pháy Chèn	
10	142211196	MAI XUÂN	DANH	K14XDD1	10		6							7	7.2	Baý pháy Hai	
11	142211209	TRẦN NGỌC	DUY	K14XDD1	10		6.8							7	7.4	Baý pháy Bấ	
12	142211212	LÊ TRUNG	HIẾU	K14XDD1	4		5							3	0.0	Khăng	
13	142211215	NGUYỄN QUANG	H?A	K14XDD1	10		6							7.3	7.3	Baý pháy Ba	
14	142211218	NGUYỄN TRƯỜNG	HỘI	K14XDD1	10		6.5							7	7.3	Baý pháy Ba	
15	142211221	PHẠM TẤN	HỮU	K14XDD1	6		4.5							V	0.0	Khăng	
16	142211226	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K14XDD1	7		6							5.5	5.9	Nằm pháy Chèn	
17	142211230	VŨ NGỌC	KHUƠNG	K14XDD1	6		4							V	0.0	Khăng	
18	142211233	ĐINH HỮU	LINH	K14XDD1	8		3.5							6	5.6	Nằm pháy Sâu	
19	142211250	TRẦN NGỌC	PHÚ	K14XDD1	8		6.5							7	7.0	Baý	
20	142211254	TRẦN HUỖNH	PHƯƠNG	K14XDD1	7		6.5							6.8	6.7	Sâu pháy Baý	
21	142211259	V? V ẮN	QUỐC	K14XDD1	10		6.5							7.5	7.6	Baý pháy Sâu	
22	142211267	CHUNG QUÍ	TẤN	K14XDD1	4		6							V	0.0	Khăng	
23	142211270	HỒ MINH	THẮNG	K14XDD1	10		7							7.5	7.7	Baý pháy Baý	
24	142211280	HUỖNH	THIỆN	K14XDD1	8		7							7.5	7.4	Baý pháy Bấ	
25	142211283	NGUYỄN MẬU	THÔNG	K14XDD1	10		7							8	8.0	Tằm	
26	142211292	NGUYỄN VĂN	TOÀN	K14XDD1	6		5							7	6.3	Sâu pháy Ba	
27	142211295	LÊ THỊ HUYỀN	TRANG	K14XDD1	8		6							5	5.8	Nằm pháy Tằm	
28	142211298	BÙI TRỌNG	TUẤN	K14XDD1	10		5							7	6.9	Sâu pháy Chèn	
29	142211305	V ẮN Đ?NH	TƯƠNG	K14XDD1	8		5.8							6.5	6.5	Sâu pháy Nằm	
30	142211308	LÊ QUỐC	VIỆT	K14XDD1	10		5.8							7	7.1	Baý pháy Mâu	
31	142211311	TRẦN TẤN	VIỆT	K14XDD1	10		8							9	8.9	Tằm pháy Chèn	
32	142211320	HỒ MINH	VƯƠNG	K14XDD1	10		6.5							8	7.9	Baý pháy Chèn	
33	142251577	TRƯƠNG BẢO	TRUNG	K14XDD1	8		7							5	6.1	Sâu pháy Mâu	
34	142332143	NGUYỄN THÁI	DŨNG	K14XDD1	8		5							5	5.5	Nằm pháy Nằm	
35	132214463	HÀ XUÂN	HÙNG	K14XDD1	0		0							V	0.0	Khăng	
36	101140099	NGUYỄN NGỌC	DŨNG	K14XDD2	0		0							HP	0.0	Khăng	
37	111140262	NGUYỄN PHONG	LŨU	K14XDD2	0		0							HP	0.0	Khăng	
38	111140293	LÊ BẢO	QUỐC	K14XDD2	0		0							HP	0.0	Khăng	
39	132214408	NGUYỄN Đ?NH	BẢO	K14XDD2	9.5		6							7.3	7.2	Baý pháy Hai	
40	132214470	NGUYỄN QUỐC	HÙNG	K14XDD2	7		6.5							6	6.3	Sâu pháy Ba	

Ngày thi: 19/11/2011

TÍNH CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
41	132214526	NGUYỄN ĐOÀN	PHƯƠNG	K14XDD2	9.5		7							7.3	7.5	Bá? pháp Năm	
42	142211172	BÙI TRƯỜNG	AN	K14XDD2	10		8							7.8	8.2	Tám pháp Hai	
43	142211175	TRẦN TUẤN	ANH	K14XDD2	6.5		4							5	4.9	Bá? pháp Chén	
44	142211181	NGUYỄN PHẠM QUỐC	BẢO	K14XDD2	9.5		7							7.4	7.6	Bá? pháp Sáu	
45	142211187	LÊ VIỆT	CẢNH	K14XDD2	9.5		7							6.8	7.3	Bá? pháp Ba	
46	142211191	NGUYỄN TẤN	CHUẨN	K14XDD2	9		6							5.2	6.0	Sáu	
47	142211194	PHẠM ANH	CƯỜNG	K14XDD2	8		4							5	5.2	Nám pháp Hai	
48	142211197	BÙI QUỐC	ĐẠT	K14XDD2	6		6.5							3	0.0	Kháng	
49	142211203	TRẦN Đ?NH	ĐỨC	K14XDD2	6.5		5.5							4.3	5.0	Nám	
50	142211213	TRƯỜNG QUANG	HIẾU	K14XDD2	9		6.8							6.5	7.0	Bá?	
51	142211216	LÊ NGỌC ANH	HOÀI	K14XDD2	10		7.8							9	8.8	Tám pháp Tám	
52	142211219	NGUYỄN VĂN	HÙNG	K14XDD2	7		5.5							V	0.0	Kháng	
53	142211222	TRẦN Đ?NH	HUY	K14XDD2	10		6.5							8.5	8.1	Tám pháp Máu	
54	142211228	LÊ	KHOA	K14XDD2	7		6.5							7.5	7.1	Bá? pháp Máu	
55	142211231	VĂN NGỌC	LAI	K14XDD2	8.5		7							7.7	7.6	Bá? pháp Sáu	
56	142211242	NGUYỄN VĂN	NAM	K14XDD2	9		6							5.7	6.3	Sáu pháp Ba	
57	142211247	BÙI HỒNG	NHẬT	K14XDD2	7		6.8							5.8	6.3	Sáu pháp Ba	
58	142211252	PHAN TẤN UYÊN	PHƯỚC	K14XDD2	9		6							6.2	6.6	Sáu pháp Sáu	
59	142211256	PHẠM VĂN	QUỐC	K14XDD2	10		6							7.7	7.5	Bá? pháp Năm	
60	142211260	ĐOÀN THỊ NGỌC	QU?	K14XDD2	10		7							8	8.0	Tám	
61	142211264	NGUYỄN HỮU HOÀI	SƠN	K14XDD2	9		5.5							6.8	6.7	Sáu pháp Bá?	
62	142211268	LÊ HỮU	TẤN	K14XDD2	9		6							7.2	7.1	Bá? pháp Máu	
63	142211278	NGUYỄN Đ?NH	THẢO	K14XDD2	9.5		7.3							7.5	7.7	Bá? pháp Bá?	
64	142211281	LƯU ĐỨC	THIỆN	K14XDD2	9.5		7							8.4	8.1	Tám pháp Máu	
65	142211290	LÊ BÁ	TÍN	K14XDD2	7		6.5							6.3	6.5	Sáu pháp Năm	
66	142211293	PHẠM MINH	TOÀN	K14XDD2	9		6							6.7	6.8	Sáu pháp Tám	
67	142211296	TỔNG THÀNH	TRUNG	K14XDD2	8.5		7							6.7	7.1	Bá? pháp Máu	
68	142211299	HÀ ANH	TUẤN	K14XDD2	9		7							7	7.3	Bá? pháp Ba	
69	142211303	NGUYỄN THANH	TUẤN	K14XDD2	9		5							6	6.2	Sáu pháp Hai	
70	142211309	NGÔ QUỐC	VIỆT	K14XDD2	9		7							7	7.3	Bá? pháp Ba	
71	142211312	TRƯỜNG VĂN	VIỆT	K14XDD2	9.5		6							8.2	7.7	Bá? pháp Bá?	
72	142211317	NGUYỄN BÁ TUẤN	VŨ	K14XDD2	8.5		6.5							6.3	6.7	Sáu pháp Bá?	
73	142211321	LÊ CÔNG TRƯỜNG	XUÂN	K14XDD2	8		6							7	6.9	Sáu pháp Chén	
74	142211365	ĐỖ NGỌC	T?NH	K14XDD2	8.5		6.5							7.3	7.2	Bá? pháp Hai	
75	142332177	TRƯỜNG QUANG	KỶ	K14XDD2	10		6							8.3	7.9	Bá? pháp Chén	
76	132214556	NGUYỄN THỌ	THẮNG	K14XDD2	0		0							V	0.0	Kháng	
77	132214530	NGUYỄN VĂN	QUÂN	K14XDD2	0		0							V	0.0	Kháng	
78	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K14XDD2	6		5							4.8	5.0	Nám	
79	122210235	NGUYỄN HỒNG	ANH	K14XDD3	0		0							HP	0.0	Kháng	
80	132214600	NGUYỄN ĐĂNG	TUẤN	K14XDD3	0		0							V	0.0	Kháng	
81	142211173	NGUYỄN NHƯ	AN	K14XDD3	8		5							7	6.6	Sáu pháp Sáu	
82	142211177	NGUYỄN VĂN HOÀNG	BÁCH	K14XDD3	10		6							6	6.6	Sáu pháp Sáu	
83	142211183	PHẠM THANH	B?NH	K14XDD3	10		7.5							7.5	7.9	Bá? pháp Chén	

Ngày thi: 19/11/2011

TÍN CHỈ
LẦN THI

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
84	142211189	LÊ QUỐC	CHÍNH	K14XDD3	10		7.3							7.8	8.0	Tam	
85	142211192	NGUYỄN NHƯ	CƯỜNG	K14XDD3	10		6.5							5	6.2	Sau phap Hai	
86	142211199	ĐẶNG NGỌC	ĐỨC	K14XDD3	8		6.8							7	7.1	Bay phap Mau	
87	142211204	LÊ QUANG	DŨNG	K14XDD3	10		7.3							7.5	7.8	Bay phap Tam	
88	142211207	PHAN HOÀNG	DŨNG	K14XDD3	8		7							7	7.2	Bay phap Hai	
89	142211211	HOÀNG QUANG	HÀO	K14XDD3	7		5							5	5.3	Nam phap Ba	
90	142211214	NGUYỄN KHÁNH	H?A	K14XDD3	7		7.5							8	7.7	Bay phap Bay	
91	142211217	TRẦN THẾ	HOÀNG	K14XDD3	8		7.8							7	7.4	Bay phap Bau	
92	142211220	NGUYỄN NGUYỄN	HUNG	K14XDD3	10		7							8	8.0	Tam	
93	142211224	NGUYỄN NGỌC	HUYNH	K14XDD3	10		7.5							8	8.2	Tam phap Hai	
94	142211232	ĐOÀN TẤN	LẬP	K14XDD3	8		6.5							6.8	6.9	Sau phap Chen	
95	142211239	NGUYỄN PHI	MINH	K14XDD3	8		7							8	7.7	Bay phap Bay	
96	142211244	LÊ QUỐC	NGHĨA	K14XDD3	7		5.8							5	5.5	Nam phap Nam	
97	142211248	NGUYỄN THANH	NHÚT	K14XDD3	8		7.5							7.5	7.6	Bay phap Sau	
98	142211253	ĐỖ TRUNG	PHƯƠNG	K14XDD3	10		6.5							6.5	7.0	Bay	
99	142211257	TRẦN VĂN	QUỐC	K14XDD3	5		6							6.5	6.1	Sau phap Mau	
100	142211265	NGUYỄN KHÁNH	SƠN	K14XDD3	8		7							6.5	6.9	Sau phap Chen	
101	142211269	NGUYỄN QUANG	THÁI	K14XDD3	7		6.8							7	6.9	Sau phap Chen	
102	142211274	ĐINH CÔNG	THÀNH	K14XDD3	8		6							6.5	6.6	Sau phap Sau	
103	142211279	NGUYỄN HỒNG	THI	K14XDD3	6		6							4.5	5.2	Nam phap Hai	
104	142211282	VY VĂN	THỜI	K14XDD3	8		7.5							8.5	8.1	Tam phap Mau	
105	142211286	NGUYỄN QUANG	THUẬN	K14XDD3	7		6							7.3	6.9	Sau phap Chen	
106	142211291	LÊ VĂN	TOÀN	K14XDD3	8		7							7	7.2	Bay phap Hai	
107	142211297	V? V ẮN	TUẤN	K14XDD3	8		7							7	7.2	Bay phap Hai	
108	142211300	NGUYỄN ANH	TUẤN	K14XDD3	7		6							7.5	7.0	Bay	
109	142211304	NGUYỄN SƠN	TÙNG	K14XDD3	7		6.5							8	7.4	Bay phap Bau	
110	142211307	NGUYỄN THÀNH	VĂN	K14XDD3	6		4							6	5.4	Nam phap Bau	
111	142211310	NGUYỄN DUY	VIỆT	K14XDD3	7		6.5							7	6.9	Sau phap Chen	
112	142211315	LƯU VĂN	VŨ	K14XDD3	5		4							6	5.3	Nam phap Ba	
113	142211319	ĐOÀN NGỌC VIỆT	VƯƠNG	K14XDD3	10		5.8							7	7.1	Bay phap Mau	
114	142214458	HUYNH NGUYỄN	KHOA	K14XDD3	8		4							4	4.6	Bau phap Sau	
115	142214795	NGUYỄN VƯƠNG	THẠCH	K14XDD3	4		6							3.5	0.0	Khang	
116	142221370	PHẠM SƠN	TÙNG	K14XDD3	3		5							3.5	0.0	Khang	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	99	85%	
2	Số sinh viên nợ	17	15%	
TỔNG CỘNG :		116	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA
(k? và ghi r? họ tên)

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 12 năm 2011
PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(k? và ghi r? họ tên)

Ngày thi: 19/11/2011

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú